TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST Ngày: 04/4/2024 V/v Tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trịnh Thị Thường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Trường

Ông Hồ Sĩ Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 501/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Huỳnh Phương L, sinh năm 1992. (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú và địa chỉ hiện nay: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Hoàng T, sinh năm 1983. (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: 131 đường H, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN**:**

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình làm việc nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Phương L trình bày:

Bà và ông Hoàng T quen biết và có thời gian tìm hiểu nhau trong vòng 07 (bảy) năm thì tự nguyện kết hôn vào năm 2015, được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 141/2015 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 05/10/2015.

Quá trình chung sống, bà L và ông T có hai con chung là hai cháu:

1. Hoàng Gia Cát Minh L1, sinh ngày 23/10/2016
2. Hoàng Ngọc Bích Phương L2, sinh ngày 21/7/2019

Mâu thuẫn giữa bà L và ông T đã phát sinh từ khi cưới nhau,cụ thể: Trước ngày cưới, bà L và ông T đã phát sinh mâu thuẫn trong việc "tiền nạp tài" và "tiền xuất giá cô dâu" nên ngay trong ngày cưới, hai người đã cãi vã nhau. Từ đó, khi về sống chung, ông T coi thường bà liễu và gia đình ngoại, có những lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà và gia đình. Ông T thường nói "tôi mua cô về", "cái loại gái miền tây", "ba mẹ mày bán mày cho tao rồi"….Ngoài ra, ông T có suy nghĩ tiêu cực, gia trưởng, độc đoán. Trong gia đình, bà L không được quyền có ý kiến đối với bất cứ vấn đề gì, mỗi lần bà có ý kiến thì ông T thường nói "câm, không được lên tiếng, nhà này chồng là cha là chú"….Ông T không muốn bà L về thăm nhà ngoại, ngày lễ, tết hoặc khi mẹ bà L bị bệnh, ông T thường ngăn cản bà, không cho bà L mang con về thăm ông, bà ngoại. Đến mức khi ông, bà ngoại lên thăm cháu, bà L cũng phải thuê phòng khách sạn cho ông bà ngoại ở, vì nếu ông T gặp mặt ông bà, ông T sẽ có thái độ không tôn trọng gia đình vợ. Khi vợ chồng có mâu thuẫn, khúc mắc, ông T không nói chuyện trực tiếp với bà L mà ông T lại kể với mẹ ông T làm bà L ấm ức vì ông T nói không đúng sự thật, xuyên tạc.

Khi vợ chồng cần vốn làm ăn, bà L có xin mẹ chồng cho bà L nhập hộ khẩu vào bên nhà chồng, mẹ chồng thì đồng ý nhưng em chồng không đồng ý và bảo bà L là người ngoài, người em chồng này có sự phân biệt khi cho rằng bà L là gái miền T và lo sợ khi bà L nhập hộ khẩu vào gia đình sẽ phát sinh tranh chấp đất đai của bố mẹ chồng về sau.

Vì tương lai các con, vì kinh tế gia đình, bà L đi học thêm bằng Tiến sỹ ở Thành phố Hồ Chí Minh. Những ngày ông T thua chứng khoán, lại gây gỗ mắng chửi bà L và nói bà L đi Thành phố Hồ Chí Minh là đi với trai…Sự việc ngày một tệ hơn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà L không chịu đựng được nữa nên nộp đơn ly hôn đến Tòa án từ tháng 7/2023. Khi bà báo cho ông T biết việc đã nộp đơn ly hôn ở Tòa, ông T nói với bà L đưa hai con về thăm ông bà nội hai ngày cuối tuần nhưng sau đó đưa con đi đâu bà L không rõ và hoàn toàn cắt liên lạc, không cho bà gặp con, hàng ngày ông T chỉ mở máy gửi cho bà một tin nhắn, uy hiếp nếu bà L không rút đơn thì ông T và 02 con sẽ chết (về với C). Khoảng 22 giờ đêm ngày 24/7/2023, ông T gọi điện báo cho bà L về việc con thứ hai là cháu Phương L2 bị tai nạn giao thông đang cấp cứu ở bệnh viện. Cháu Phương L2 bị gãy xương đùi, sau đó bà L đã đưa cháu lên điều trị tại Bệnh viện C1, hiện nay cháu đã bình phục. Còn cháu lớn bị ảnh hưởng tinh thần vì khi ở cùng bố, thấy bố có nhiều câu nói, việc làm gây tổn thương cho mẹ. Sau khi xảy

ra sự việc, bà L đã đón 02 (hai) con về chăm sóc do ông T nói dối bà L về lý do bé bị tai nạn cũng như dùng 02 (hai) con để uy hiếp tinh thần của bà.

Trong thời gian ly thân, bà L và ông T không gặp nhau cũng như không liên lạc để bàn chuyện hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy đời sống chung không hạnh phúc, bà L không còn tình cảm với ông T nữa nên yêu cầu ly hôn với ông Hoàng T.

Về con chung: Bà L xác nhận bà và ông T có 02 (hai) con chung tên là Hoàng Gia Cát Minh L3, sinh ngày 23/10/2016 và Hoàng Ngọc Bích Phương L2, sinh ngày 21/7/2019. Tại buổi hòa giải ngày 13/3/2024, bà và ông T đã thỏa thuận ông T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh L3, bà L nuôi dưỡng cháu Phương L2 nhưng sau đó ông T thay đổi ý kiến. Nay bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình làm việc và tại phiên tòa, bị đơn - ông Hoàng T trình bày:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian và điều kiện kết hôn. Ông T vẫn yêu thương vợ con, những lời bà L trình bày về ông T là sai sự thật, vu khống vì ông T không làm gì sai hết.

Ông T và bà L có quan hệ tình cảm khi bà L còn học lớp 11, còn ông T đã đi làm. Hai vợ chồng tìm hiểu nhau trong vòng 07 (bảy) năm thì quyết định kết hôn.

Trước ngày cưới, bà L muốn gia đình đẹp mặt với họ hàng và hàng xóm nên đề nghị ông T bỏ "tiền nạp tài" là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), sau đó hai bên bàn bạc giảm xuống là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Bà L nói bỏ tiền nạp tài cho đẹp mặt chứ sau khi làm lễ xong, gia đình bà L sẽ cho hai vợ chồng khoản tiền này làm vốn. Tuy nhiên, cưới xong, gia đình bà L không đưa lại tiền cho vợ chồng ông. Ông T chưa bao giờ nói với bà L những câu đại loại như "tôi mua cô về", "cái loại gái miền tây", "ba mẹ mày bán mày cho tao rồi"….

Về chuyện về thăm ba mẹ vợ, ông T không cấm cản như lời bà L trình bày. Một năm, vợ chồng sẽ đưa hai con về thăm ông, bà ngoại ít nhất 02 lần. Tết nguyên đán, vợ chồng ông T sẽ biếu ông bà nội, ngoại 1.000.000đ. Mỗi lần ông, bà ngoại lên thăm cháu, vợ chồng ông đều tiếp đón ông bà vui vẻ. Chỉ có một lần gần đây nhất, ông bà ngoại lên thăm cháu nhưng chỗ hai vợ chồng thuê để ở và mở trung tâm dạy toán tư duy đã hết phòng nên bà L chủ động thuê phòng khách sạn chỗ người quen cho ông bà ngủ nghỉ.

Khi bà L sinh 02 (hai) con, ông T là người trực tiếp chăm sóc bà L và con ở bệnh viện. Cuộc sống lúc đó tuy khó khăn nhưng vợ chồng chung sống hạnh phúc.

Hai năm nay, vợ chồng có vay vốn để mở Trung tâm toán tư duy và bà L là người trực tiếp quản lý về mặt tài chính. Khoảng 02 tháng nay, sau khi nộp đơn ly hôn đến Tòa án, bà L đã bàn giao lại thu – chi của Trung tâm cho ông T. Trong thời gian vợ chồng ly thân, ông T không nhắn tin uy hiếp bà L như bà L trình bày. Ngược lại, bà L gọi điện nói ông T phải lên Tòa giải quyết ly hôn để tháng 12/2023 bà L lấy chồng mới, nếu ông T không đáp ứng yêu cầu của bà L thì bà L sẽ phá nát Trung tâm toán tư duy của ông T.

Khi biết bà L nộp đơn ra Tòa, ông T có đưa hai con đi bà thăm ông bà nội và đi chơi một tuần. Sự việc này, ông T có báo cho bà L biết và buổi tối ông T đều gọi mở máy để bà L và con trò chuyện với nhau. Hoàn toàn không có việc không liên lạc. Còn việc cháu Phương L2 bị tai nạn, gãy chân là sự cố ngoài ý muốn. Khi con bị thương như vậy, ông T cũng rất đau lòng và lo lắng cho cháu. Nay bà L đã đưa hai con đi đâu ông T không rõ, khi vui thì bà L cho ông T liên lạc với con qua điện thoại, không vui thì khóa máy. Ông T không liên lạc được với bà L nên không gặp mặt bàn chuyện hàn gắn tình cảm được.

Trước đây, ông T có đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng ông về đoàn tụ với nhau và cho vợ chồng ông tự hòa giải, hàn gắn tình cảm trong thời gian 04 (04) tháng và yêu cầu bà L phải cho ông T gặp các con. Nhưng trong thời gian trên thì tình cảm vợ chồng vẫn chưa hàn gắn đươc, bà L thì vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn.

Ngày 13/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã mời ông T và bà L đến làm việc, hai bên đã đồng ý thuận tình ly hôn và thỏa thuận về con chung, cụ thể: ông T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh L3, bà L nuôi dưỡng cháu Phương L2, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nhưng sau đó do bà L không hợp tác với ông T trong việc giao giấy tờ làm thủ tục nhập học cho con nên ngày 14/3/2024, ông T đã thay đổi ý kiến, đề nghị Tòa không công nhận kết quả hòa giải thành ngày 13/3/2024.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà L, ông T có ý kiến:

Về hôn nhân: Ông T không đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Nếu Toà xử ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung Hoàng Gia Cát Minh L3, sinh ngày 23/10/2016 và Hoàng Ngọc Bích Phương L2, sinh ngày 21/7/2019, không yêu cầu Bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và

thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân của ông T và bà L là hôn nhân hợp pháp. Hiện nay mâu thuẫn trong hôn nhân đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, bà L và ông T đều đồng ý thuận tình ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L và ông T có 02 (hai) con chung tên là Hoàng Gia Cát Minh L3, sinh ngày 23/10/2016 và Hoàng Ngọc Bích Phương L2, sinh ngày 21/7/2019. Tại phiên tòa, bà L và ông T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con; xét về tình cảm cha mẹ đều yêu thương và dành tình thương cho các con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Minh L3 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phương L2 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T và bà L không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố V. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Huỳnh Phương L yêu cầu ly hôn với ông Hoàng T có địa chỉ đăng ký thường trú tại thành phố V. Căn cứ Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2]. Về nội dung:

Bà Nguyễn Huỳnh Phương L và ông Hoàng T tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T thì thấy: Theo bà L thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T có tính gia trưởng, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong vấn đề kinh tế; ông T thường có những lời lẽ xúc phạm đến bà L và gia đình bà, bất đồng quan điểm với nhau, vợ chồng cãi nhau nhiều lần, tình cảm vợ chồng không còn thương yêu như trước. Cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc, không có niềm tin vào nhau. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Hiện nay, bà L không còn tình cảm vợ chồng với ông T và đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau nên bà quyết định ly hôn. Theo ông T, thì quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn,

ông T không xúc phạm bà L, những lời ông T nói với bà L khi chê bai vùng miền chỉ là nói đùa; ông không có gì sai trong cuộc hôn nhân giữa ông và bà L nên ông không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ông T ngày 19/9/2023, ông T xác nhận thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 6 năm 2023 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do có nhiều bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống hàng ngày, từ đó dẫn đến nhiều lần vợ chồng cãi nhau, vợ chồng hàn gắn nhưng không được (bút lục số 25). Tại Biên bản hòa giải ngày 13/3/2024, ông T đã đồng ý ly hôn với bà L.

Theo xác minh tại địa phương cho biết: Quá trình bà L và ông T sinh sống tại địa phương có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không biết; hiện nay bà L không chung sống cùng ông T tại địa phương.

Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông T là có thật, vợ chồng cũng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa bà L vẫn yêu cầu ly hôn với ông T. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp.

Về con chung: Bà Nguyễn Huỳnh Phương L và ông Hoàng T có 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Gia Cát Minh L3, sinh ngày 23/10/2016 và Hoàng Ngọc Bích Phương L2, sinh ngày 21/7/2019. Tại buổi hòa giải ngày 13/3/2024, bà L và ông T đã thỏa thuận ông T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh L3, bà L nuôi dưỡng cháu Phương L2 nhưng sau đó ông T thay đổi ý kiến. Tại phiên tòa, bà L và ông T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung, bà L và ông T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bà L và ông T đều yêu thương và có trách nhiệm với 02 (hai) con chung, mặc dù cháu Minh L3 có nguyện vọng ở với bà L nhưng do cháu Phương L2 là con gái, hiện nay cháu còn bé nên Hội đồng xét xử xem xét giao cháu minh L3 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; giao cháu Phương L2 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Huỳnh Phương L và ông Hoàng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí: Bà Nguyễn Huỳnh Phương L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 19; Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Huỳnh Phương L đối với ông Hoàng T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Huỳnh Phương L ly hôn với ông Hoàng T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Huỳnh Phương L và ông Hoàng T có 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Gia Cát Minh L3, sinh ngày 23/10/2016 và Hoàng Ngọc Bích Phương L2, sinh ngày 21/7/2019. Giao cháu Minh L3 cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phương L2 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T và bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Huỳnh Phương L và ông Hoàng T được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Huỳnh Phương L và ông Hoàng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Huỳnh Phương L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000866 ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp.V;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp.V;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh An Giang ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Thường